

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 7 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung  
lĩnh vực Lâm nghiệp; Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;*

*Căn cứ Quyết định số 151/QĐ-BNN-TT ngày 09/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 362/QĐ-BNN-TCLN ngày 20/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bình tuyến, công nhận cây mẹ (cây trội), cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Lâm nghiệp; Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang. *(có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).*

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện:

1. Niêm yết, công khai Danh mục, nội dung cụ thể của thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở và nơi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố quy trình nội bộ, liên thông đối với thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này; hoàn thiện quy trình điện tử của thủ tục hành chính và công khai đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: [dichvucong.gov.vn](http://dichvucong.gov.vn); Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, địa chỉ: [dichvucong.tuyenquang.gov.vn](http://dichvucong.tuyenquang.gov.vn).

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang và thủ tục hành chính số thứ tự 94, Mục XI (lĩnh vực Trồng trọt) Phần A Danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1193/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, Thủ trưởng Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Cục KSTTHC-VPCP; (báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Như điều 4; (thực hiện)
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, THCBKSMai.

**Nguyễn Thế Giang**

**DANH MỤC 02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC  
LÂM NGHIỆP; TRỒNG TRỌT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH TUYÊN QUANG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2022  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

| S<br>T<br>T                  | Tên<br>thủ tục<br>hành<br>chính  | Thời hạn<br>giải quyết   | Địa điểm<br>thực hiện  | Phí,<br>lệ phí  | Căn cứ<br>pháp lý   | Cách thức thực hiện |                    |                                     |
|------------------------------|--|--|--|---|---|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
|                              |  |  |  |   |   | Nộp<br>trực<br>tiếp | Dịch<br>vụ<br>BCCI | Dịch<br>vụ<br>công<br>trực<br>tuyến |
| <b>I Lĩnh vực Lâm nghiệp</b> |  |  |  |   |   |                     |                    |                                     |
| 1.                           | Công<br>nhận,<br>công<br>nhận<br>lại<br>nguồn<br>giống<br>cây<br>trồng<br>lâm<br>nghiệp <sup>1</sup> | Trong<br>thời hạn<br>18 ngày<br>làm việc,<br>kể từ<br>ngày<br>nhận đủ<br>hồ sơ hợp<br>lệ | Trung<br>tâm Phục<br>vụ hành<br>chính<br>công tỉnh<br>Tuyên<br>Quang,<br>địa chỉ:<br>số 609,<br>đường<br>Quang<br>Trung,<br>phường<br>Phan<br>Thiết,<br>thành phố<br>Tuyên<br>Quang,<br>tỉnh<br>Tuyên<br>Quang<br>(quầy tiếp<br>nhận: Sở<br>Nông<br>nghiệp và<br>Phát triển<br>nông<br>thôn) | - Công nhận lâm<br>phần tuyển chọn:<br>600.000 đồng/lô<br>giống;<br>- Công nhận vườn<br>giống: 2.400.000<br>đồng/vườn giống;<br>- Phí bình tuyển,<br>công nhận cây mẹ<br>(cây trội), cây đầu<br>dòng: 3.000.000<br>đồng/cây.<br>- Phí bình tuyển,<br>công nhận vườn<br>cây đầu dòng:<br>3.000.000 đồng/<br>01 vườn.<br>- Phí bình tuyển,<br>công nhận vườn<br>giống cây lâm<br>nghiệp: 2.400.000<br>đồng/ 01 vườn<br>giống.<br>- Phí bình tuyển,<br>công nhận rừng<br>giống cây lâm<br>nghiệp: 5.000.000<br>đồng/ 01 rừng<br>giống. | - Thông tư số<br>22/2021/TT- BNNPTNT<br>ngày 29/12/2021 của Bộ<br>trưởng Bộ Nông nghiệp<br>và Phát triển nông thôn<br>quy định danh mục loài<br>cây trồng lâm nghiệp<br>chính; công nhận giống<br>và nguồn giống cây<br>trồng lâm nghiệp;<br>- Thông tư số<br>14/2018/TT-BTC ngày<br>07/02/2018 của Bộ Tài<br>chính sửa đổi, bổ sung<br>một số điều của Thông tư<br>số 207/2016/TT-BTC<br>ngày 09/11/2016 của Bộ<br>trưởng Bộ Tài chính;<br>- Nghị quyết số<br>16/2022/NQ-HĐND<br>ngày 03/7/2022 của Hội<br>đồng nhân dân tỉnh<br>Tuyên Quang quy định<br>mức thu, chế độ thu, nộp,<br>quản lý và sử dụng phí<br>bình tuyển, công nhận<br>cây mẹ (cây trội), cây đầu<br>dòng, vườn cây đầu dòng,<br>vườn giống cây lâm<br>nghiệp, rừng giống trên<br>địa bàn tỉnh Tuyên<br>Quang. | x                   | x                  | Mức<br>độ 4                         |

<sup>1</sup> Sửa đổi, bổ sung mức thu phí theo Nghị quyết 16/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang

| S<br>T<br>T                   | Tên<br>thủ tục<br>hành<br>chính  | Thời hạn<br>giải quyết   | Địa điểm<br>thực hiện   | Phí,<br>lệ phí  | Căn cứ<br>pháp lý  | Cách thức thực hiện |                    |                                     |
|-------------------------------|--|--|---|---|--|---------------------|--------------------|-------------------------------------|
|                               |  |  |   |   |  | Nộp<br>trực<br>tiếp | Dịch<br>vụ<br>BCCI | Dịch<br>vụ<br>công<br>trực<br>tuyến |
| <b>II Lĩnh vực Trồng trọt</b> |  |  |   |   |  |                     |                    |                                     |
| 2.                            | Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm giống bằng phương pháp vô tính <sup>2</sup> | - Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;<br>- Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản cáo cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn cơ sở. | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang, địa chỉ: số 609, đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (quầy tiếp nhận: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) | - Phí bình tuyển, công nhận cây đầu dòng: 3.000.000 đồng/cây;<br>- Phí bình tuyển, công nhận vườn cây đầu dòng: 3.000.000 đồng/01 vườn. | - Luật Trồng trọt năm 2018;<br>- Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác;<br>- Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bình tuyển, công nhận cây mẹ (cây trội), cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | x                   | x                  | Mức độ 3                            |

<sup>2</sup> Sửa đổi, bổ sung mức thu phí theo Nghị quyết 16/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang